

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/ ST-HNGĐ

Ngày: 19/01/2018

“V/v tranh chấp: Ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Cư** - Cán bộ nghỉ hưu

2. Bà **Ngô Thị Thời** - Phó phòng TC-HC Liên minh HTX tỉnh Hải Dương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án thành phố Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 524/2017/TLST-HN&GD ngày 12/10/2017 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 19/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2017 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Vương Thị T**, sinh năm 1978;

ĐKHKTT: Số nhà 6 ngõ 63, khu 1 đường K, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Cư trú: Khu 1 K, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn V**, sinh năm 1976;

ĐKHKTT: Số nhà 6 ngõ 63, khu 1 đường K, phường T, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh V đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1997 tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không chịu làm ăn, ham chơi lô đề, cờ bạc mặt khác anh V còn nghiện ma túy. Mặc dù chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, chị đã làm đơn xin ly hôn vào năm 2013 sau đó chị rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được và đã ly thân từ ngày 12/02/2013 đến nay. Chị và các con đã phải về bên ngoại sinh sống, anh V không quan tâm với chị và các con, còn có thái độ xấu với gia đình bố mẹ chị. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V không thiện chí ly hôn nên không đến Tòa án theo giấy triệu tập, theo chị được biết mỗi lần nhận giấy anh V đều xé đi (Chị Hương là chị dâu chị đưa trực tiếp cho anh V), anh V còn nhắn tin từ số điện thoại của anh V 01688398785 vào số điện thoại của chị là 01667926274 “ *bây giờ tôi đồng ý ký đơn giải thoát cho cô, cô đưa tôi 20 triệu, giải quyết vui vẻ*”. Hiện nay chị phải nuôi dưỡng các con đang học năm thứ ba đại học và trung học cơ sở do vậy không có tiền đưa cho anh V, điều đó chứng tỏ anh V không còn tình cảm gì với chị nhưng đồng ý ly hôn với điều kiện phải đưa tiền cho anh, chị không chấp nhận. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V

* Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Thị Việt P, sinh ngày 18/4/1997 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 12/12/2003. Hiện nay các con đang ở với chị, anh V không có trách nhiệm với các con. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương Q và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

* ***Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh V đã nhận được các văn bản như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng vì anh không muốn ly hôn nên không đến Tòa làm việc. Tòa giao cho người thân của anh V nhưng không ai dám nhận vì sợ anh V. Tòa phải niêm yết các văn bản, giấy triệu tập, các quyết định theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã xác minh hai bên gia đình anh V, chị T và chính quyền địa phương được biết: Chị T và anh V đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1997 tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V ham chơi, không chịu làm ăn, là đối tượng nghiện ma túy. Năm 2013 chị T đã làm đơn xin ly hôn sau đó suy nghĩ lại và rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được mà ngày càng căng thẳng, mặc dù được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Chị T và hai con về bên ngoại ở, anh V có những tin nhắn, lời nói đe dọa, có hành động gây rối, phá phách tại gia đình bố mẹ đẻ chị T. Đến nay với tính cách của anh V như vậy mẹ đẻ và anh em anh V không ai muốn tiếp xúc, góp ý, can thiệp vì rất sợ anh V. Anh V sống trên địa bàn phường Thanh Bình, chị T và hai con đã về bên ngoại ở xã Tân Hưng. Với tình trạng vợ chồng chị T, anh V đã mâu thuẫn không thể khắc phục được, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh V, xin được nuôi con chung Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 12/12/2003, con chung Nguyễn Thị Việt P sinh ngày 18/4/1997 đã trưởng thành. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V không thiện chí hàn gắn tình cảm, vợ chồng ly thân nhiều năm nay, đây là lần thứ hai chị làm đơn ly hôn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị T được ly hôn anh V.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 12/12/2003. Thời gian tính từ tháng 01/2018 đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, bị đơn anh V không đến phiên tòa ngày 03/01/2018 nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành thủ tục niêm yết quyết định và giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh V đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1997 tại UBND phường T, thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V ham chơi, không chịu làm ăn, là đối tượng nghiện ma túy, mặc dù được gia đình hai bên đã khuyên giải, cho đi cai nghiện nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Năm 2013 chị T xin ly hôn, anh V không đồng ý, sau đó chị T đã rút đơn nhưng vợ chồng không về đoàn tụ được với nhau mà ly thân từ đó đến nay. Giữa hai người có khoảng cách quá lớn không thể hòa hợp được. Anh V không muốn ly hôn nhưng không có những biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng như gặp gỡ, trao đổi với chị T. Tòa án đã cho anh V thời gian để thể hiện quan điểm, tại các buổi làm việc, hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt, anh V có nhiều tin nhắn có nội dung “*bây giờ tôi đồng ý ký đơn giải thoát cho cô, cô đưa tôi 20 triệu, giải quyết vui vẻ*”.... Điều đó chứng tỏ anh V không còn tình cảm với chị T, không quan tâm đến việc chị T xin chấm dứt cuộc hôn nhân với anh tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, kéo dài và không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị Việt P, sinh ngày 18/4/1997 và Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 12/12/2003, nhiều năm nay chị T phải trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh V không có trách nhiệm với con chung. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Việt P đã trưởng thành. Chị T xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương Q và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, ý kiến của cháu Quỳnh xin ở với mẹ. Hội đồng xét xử xem xét cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị Phương Q là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung; về nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao cho chị T được nuôi con chung Nguyễn Thị Phương Q sinh ngày 12/12/2003. Thời gian tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh V được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương số AB/2014/ 0004696 ngày 10/10/2017. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh V. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
 - Chi cục THADS TP. Hải Dương;
 - Các đương sự;
 - UBND phường T, thành phố H
- (để lưu hồ tịch);
- L ư u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bích Nga